

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

Nơi cư trú: Số X, đường B, phường T, Quận Y, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Trương Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C vào ngày 22 tháng 02 năm 2011. Thời gian đầu bà và ông T chung sống với nhau hạnh phúc, hiện tại vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể chung sống với nhau được do vợ chồng không hợp nhau và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Xét thấy chung sống với nhau không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Minh T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có một người con chung tên Trương Lê Chí V, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Minh T trình bày: Ông và bà D tự nguyện chung sống với nhau năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, hiện tại vợ chồng mâu thuẫn và không thể chung sống với nhau được nữa và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay nên ông đồng ý ly hôn với bà D. Trong quá trình chung sống ông và bà D có một người con chung tên Trương Lê Chí V, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý giao con chung giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D, cho bà Lê Thị D ly hôn với ông Trương Minh T, giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trương Minh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị D là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D với ông Trương Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Lê Thị D với ông Trương Minh T là hợp

pháp được pháp luật bảo vệ. Bà D yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh T vì cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D vì cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Lê Thị D với ông Trương Minh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D về việc yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị D với ông Trương Minh T có một người con chung tên Trương Lê Chí V, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012, con chung do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tại đơn khởi kiện bà Lê Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên tòa ông T đồng ý giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà D và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà D và ông T, giao người con chung tên Trương Lê Chí V, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Thị D, ông Trương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị D và ông Trương Minh T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trương Lê Chí V (giới tính nam), sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0012005 ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Trương Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều